

# 2022 年越南(峴港以南)及柬埔寨地區「臺灣獎學金」申請辦法

2022 年 1 月 15 日公告

中華民國(臺灣)教育部為鼓勵越南(峴港以南)及柬埔寨優秀青年學生到臺灣各大學攻讀學位，獲取各學術領域專業知識技能，為臺-越/柬雙方社經發展與文教交流各層面作出具體貢獻，特別設置「臺灣獎學金」，歡迎越南(峴港以南)及柬埔寨各地優秀青年學生提出申請。2022 年臺灣獎學金申請辦法說明如下：

## 一、獎學金名額：

共計 30 名(25 名公開遴選，不計國籍(越南或柬埔寨)方式擇優錄取，5 名由教育組專案核給高級中等以上學校進行推薦)。

## 二、獎學金期限：

(一) 攻讀各級學位者，受獎期限如下：

大學部：4 年

碩士班：2 年

博士班：4 年

(二) 年度受獎期間：每年 9 月 1 日起至次年 8 月 31 日止。受獎生應按時抵校註冊，未能於規定期限來臺就學者，視同放棄受獎資格，不得保留至下年度，缺額並由備取人依序遞補。但經相關學校及教育部事先核准延期來臺就學者，不在此限。

(三) 總受獎期限：各級學位最長受獎期限，學士班 4 年、碩士班 2 年、博士班 4 年。但每名受獎生受領本獎學金總期限累計不得超過 5 年。獎學金年度受獎期間，自每年 9 月 1 日起至次年 8 月 31 日止。

(四) 生活補助費核給期限，自受獎生實際就學當月起至受獎期限屆滿、畢業、休學、退學或獎學金受註銷月止。

## 三、獎學金待遇：

臺灣教育部為獎勵優秀越南(峴港以南)及柬埔寨學生來臺灣攻讀學士、碩士及博士學位，提供每名受獎生待遇如下：

(一) 學費及部分雜費：學費及雜費(包括學分費及學雜費基數)。受獎生學費及雜費上限於新臺幣 4 萬元以內(含新臺幣 4 萬元，約為 1,290 美元)，由本部核實補助，超過新臺幣 4 萬元者，不足部分由受獎生自行繳交就讀學校；雜費不包括代收代辦費、論文指導費、保險、住宿及網路使用費等相關費用，由受獎生自行負擔。

(二) 生活補助費：教育部補助大學生每月新臺幣 15,000 元(約為 500 美元)；碩士及博士生每月新臺幣 20,000 元(約為 670 美元)。

備註：大學校院提供學雜費優惠名單詳如附件「111 學年度大學校院提供教育部臺灣獎學金受獎生學雜費優惠彙整表」。

#### 四、申請期限：

自 2022 年 1 月 15 日起至 3 月 31 日止，收件截止時間以郵局蓋章日期為準。

#### 五、申請資格：

(一)申請人須為越南或柬埔寨公民，具有越南或柬埔寨國籍，具高級中等以上學校畢業學歷，學業成績優良，品行端正。越南地區人民戶籍地址須為峴港以南地區。

(二)經專案核給之高級中等以上學校推薦優秀畢業學生。

(三)有下列情形之一者，不得申請：

1. 具僑生身分、中華民國國籍、持中華民國永久居留證。
2. 已保留國內大專校院學籍或已在臺註冊入學就讀國內大專校院者。但申請下一階段學位獎學金之應屆畢業生，不在此限。
3. 曾在臺就讀擬申請之同一級學位課程。
4. 在臺就學期間為我各大專校院依據與外國學校簽訂學術合作協議所招收之交換學生或雙（聯）學位生。
5. 受領本計畫各級學位課程獎學金總期限超過 5 年。
6. 曾被註銷本獎學金或本部華語文獎學金受獎資格。
7. 在臺就學期間同時受領我政府機關（構）或學校所設置之獎補助金，其不包括由就讀學校配合本項獎學金執行計畫，於超過本部補助學雜費上限金額時，所提供受獎生學雜費部分補助款。
8. 擬以非全職身分就讀。

(四)申請人應於各校規定申請期限內，自行向臺灣公私立大專院校申請入學。

#### 六、申請文件：

申請人須如期備齊下列申請文件，於申請期限內郵寄或送交報名地點（資料未齊全或未如期繳交者，將不符申請資格）：

(一)「2022 年臺灣獎學金」申請表 1 份(如附件 1，須黏貼 3 個月內 2 吋照片 1 張)。

(二) 越南:有效之越南籍身分證件或之護照影印本 1 份及戶籍影本，戶籍地址須為峴港以南地區或工作地點為峴港以南，上開證件有效期截止日期需至少為 2024 年 3 月 1 日後(有效期 1 年半)。

柬埔寨:有效之護照影印本 1 份，其有效期截止日期需至少為 2024 年 3 月 1 日後(有效期 1 年半)。

(三) 最高學歷畢業證書及成績單(高中學歷：GPA 8/10 以上；學士學歷：GPA 7.5/10 或 3/4 以上；碩士學歷：GPA 8/10 或 3.5/4 以上)，柬埔寨地區亦請提供東國大學的校長簽名之證明書(以學校正式信紙撰擬)並於證明書中敘明:「申請者確實為該校畢業生」。申請人若為越南、柬埔寨各公私立大專校院應屆畢業生及柬埔寨高中應屆畢業生需於 2022 年 8 月 5 日前繳交經驗證國之正式畢業證書及歷年成績單，未能如期繳交者，取消申請/受獎資格，有特殊原因無法如期繳交，請來函告知並提出相關證明。倘申請時已於越南大學就讀者，除提供最高學歷資料外，亦提供目前就讀學校之歷年成績單(如:目前於越南大學就讀大一，擬赴臺申請就讀大學部，需提供高中歷年成績、畢業證書及提供大一成績單。)

**越南：**學歷證明（如畢業證書、歷年成績單、在學證明書）等(若是影本須先公證正、影本相符)，應屆畢業生得以於獲得獎學金後再行辦理驗證等事宜。經所屬司法科中文翻譯認證及外務廳驗證在原文及譯文上,再送至駐胡志明市辦事處辦理驗證(未完成驗證之證書，均不受理) 詳情請至下列網頁查詢：  
<https://origin-www.roc-taiwan.org/vnsgn/post/9424.html>。

**柬埔寨(東國大專院校之學歷)：**

1. 經東國外交部及東國駐胡志明市總領事館驗證(倘為東文需翻譯為英文或中文)，再由本處直接向各學校查證後辦理驗證 (詳情請至下列網頁查詢：<http://www.roc-taiwan.org/vnsgn/post/9406.html>)。
2. 提供所就讀之東國大學的校長簽名之證明書(以學校正式信紙)並於證明書中敘明：「申請者確實為該校畢業生」。

**其他外國學歷(中國大陸以外)：**經就讀之國家外交部驗證，再赴於該國設立或轄區之臺灣的駐外單位進行驗證。

申請人若為應屆畢業生，須於 2022 年 8 月 5 日前繳交經驗證過之畢業證書。倘未能如期繳交，將取消其獎學金資格並由後補人員遞補之。

(四) 自行向臺灣公私立大學院校 (詳附件 2-公私立大學院校)申請入學之相關證明文件影印本 1 份(例如：已填寄之入學申請表、申請入學之學校回函、繳納報名費之收據等文件)。

(五) 外語能力成績合格證明影本(倘申請時已報考，申請獎學金時需提供準考證，可於 2022 年 5 月 31 日前補交成績單，位準時提交者，取消申請資格)：

1. 申請就讀以華語授課之學程者，應提交華語文能力測驗 TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language)第 3 級(進階級)以上合格證書(HSK 不予受理)或成績單影本 1 份，正本俟正取後需攜帶驗證後退還。上開華語文證書須於 2021 年 3 月 1 日後核發之證書。
2. 申請就讀全英語授課學程者(詳附件-全英語學程清單)，應提交有效之英語托福測驗成績(TOEFL)紙筆式(pBT) 500 分或網路式 60 分以上，或其他國際公認之英語能力測驗(例如：IELTS 5.5, TOEIC 600 等)相當等級成績證明影本 1 份(該測驗總分百分之七十五以上之成績證明文件)，正本俟正取後需攜帶驗證後退還。上開英文證書須於 2021 年 3 月 1 日後核發之證書。

(六) 學校教授(教師)或重要指導教師或工作單位主管之中/英文推薦信 2 封。

(七) 全英語授課學程申請者，需提供學校(非學校院或系)開立並敘明所申請之科系為「全英語學程」之證明文件。倘未能於申請獎學金時取得所需證明文件，則請於 5 月 31 日前繳交。

(八) 讀書計畫(不得使用大學申請之計畫書)。

**\*\*申請表件應齊全，所提供之申請表件均不予退還\*\***

**七、申請地點：**

符合上開申請資格並備妥所需資料者，請寄送獎學金申請資料至：

駐胡志明市臺北經濟文化辦事處教育組

胡志明市第 10 郡第 4 坊阮智芳街 336 號

洽詢：Tel: +84 (0)28-38349160 ext 2202-2203 Fax: +84 (0)28-38349180

Email: [eduvietnam@mail.moe.gov.tw](mailto:eduvietnam@mail.moe.gov.tw)

**\*\* 峴港以北之地區請逕與駐越南臺北經濟文化辦事處教育組洽詢(Tel:**

**024-38335501 ext 458-459 Fax: 024-32262114 Email: [tweduvn@gmail.com](mailto:tweduvn@gmail.com))**

#### 八、審核項目：

主要參考申請人之(1)進修計畫、(2)學業成績(受獎生在校學業成績 GPA 總平均分數倘為 10 分為滿分時，就讀大學部應於平均分數達 8.0 分以上；就讀碩士班成績應於平均分數倘為 4 分，需達 3 分以上，10 分為滿分時需達 7.5；就讀博士班成績，倘為 4 分，需達 3.5 分以上，10 分為滿分時需達 8 分為、(3)語文能力、(4)推薦信函、(5)面談表現(需至駐胡志明市辦事處教育組面談，確切時間將以 email 方式通知，經 3 次 email 通知均未予回應，且或未經面談者，不予錄取)。

**\*\*申請表件應齊全，所提供之申請表件均不予退還\*\***

#### 九、作業時程：

2022 年 1 月 15 日至 3 月 31 日受理申請； 5 月至 6 月進行資料審查與面談， 7 月底前，初選正取及備取人均須繳交大學入學同意函/錄取通知書；原則於 8 月中下旬前公告正式錄取人名單，並將擇期發給臺灣獎學金證明書；錄取人應參加留學行前說明會，受獎人若為應屆畢業生，須於上開規定時間內繳交正式畢業證書及經驗證之證書影本(如未能如期繳交者，且未經核定得以延期繳交者，將取消受獎資格)；開學前申請臺灣簽證(免費)(未能獲得簽證者，將取消受獎資格)。受獎生需自行訂購機票，並於學校開學前搭機赴臺灣留學。受獎生就讀學位課程之受獎期限屆滿後，如擬繼續留臺攻讀下一級學位課程，應於每年 2 月 28 日前，依第六點規定檢具各相關文件向原駐外館處重新申請，以新生方式參加遴選作業；其獎學金期限不得違反總受獎期限最長五年之規定。

#### 十、受獎生應遵守事項：

- (一)除教育部及各大學補助費用之外，受獎生應自行繳納之其他費用，如因經濟情況困難，可向就讀學校申請自生活補助費中予以扣繳支付。
- (二)受獎生應備妥「健康檢查合格證明表」及「臺灣獎學金證明函」，越南及東普寨地區受獎生至駐胡志明市台北經濟文化辦事處申請赴臺灣留學居留簽證，免付簽證費，然倘受獎生未能於開學前取得赴臺簽證，則取消其受獎資格。
- (三)受獎生在校學業、操行成績或出缺席紀錄未達就讀學校規定標準者，依各該校規定，予以停發或註銷本獎學金。
- (四)受獎生，不可同時受領臺灣政府機關(構)或學校設置之獎補助金，如有違反，將註銷本獎學金受獎資格，並追繳重複領取之生活補助費及學雜費。
- (五)受獎生應依規定加入臺灣全民健康保險，未加入前，應自行購買其他相關醫療保險以及學生平安保險。

- (六) 受獎生來臺就讀後，需為全職學生，且不得以交換學生身分或參加雙（聯）學位課程，赴其他國家修讀。倘以交換學生或雙（聯）學位生身分出國就讀，即註銷獎學金資格，所餘受獎期限不得保留或展延，因學校學程規定，須出國實習時，得不予註銷獎學金資格，但不予補助該學期學雜費及不在臺期間之生活補助費。
- (七) 因學校學程規定，須出國實習時，得不予廢止獎學金。但不予補助該學期學雜費及不在臺期間之生活補助費。
- (八) 受獎生申請獎學金所繳文件或入學證明文件有偽造、假借、塗改或填列不實等情事，撤銷其獎學金，並追繳自受獎日起至撤銷受獎日止補助之生活補助費及學雜費。
- (九) 受獎生應簽署「臺灣獎學金承諾書」1份，遵守臺灣法令規章及本獎學金相關規定。
- (八) 受獎生之學期學業平均成績應達下列標準，始得續領獎學金：
1. 大學部最低 70 分，研究所最低 80 分；如各大學校院系所另有較高標準者，依其規定辦理。
  2. 就讀博士班第三年以上者，其成績計算方式及學期成績基準，依各大學校院規定辦理。
- (十) 受獎生轉換學校、系或所規定如下：
1. 受獎生於就讀申請入學之大學校院、系或所達一學期以上，經擬轉出及轉入校院核准，依各校自行訂定之相關規定辦理轉學、轉系或所。受獎期間內受獎生於同一級學位之轉學、轉系或所以一次為限。
  2. 受獎生擬轉換學校、系或所之不同學位課程時，應向我國駐外館處重提申請，不得以續領方式轉換不同學程。
  3. 受獎生轉學時，原就讀學校應敘明受獎生受獎類別、受獎起訖年月及轉出年月，函知受獎生及其轉入學校。轉入學校應敘明同意受獎生轉入年月，函復受獎生及其轉出學校。轉出及轉入學校函件均應副知本部、相關駐外館處及本部指定單位。
- (十一) 受獎生應配合教育部及駐胡志明市辦事處教育組針對臺灣獎學金生之政策，參與語文、文化等教學、交流、活動。
- (十二) 倘因疫情無法赴臺就讀或因此縮短受獎時間，將不得辦理保留或延長。

#### 十一、消息公告：

以下網址可查詢「2022 年臺灣獎學金申請辦法」及「2022 年申請表」

Website: <http://www.roc-taiwan.org/VN/SGN> (駐胡志明市臺北經濟文化辦事處)

→文化與教育

# Hướng dẫn xin học bổng Đài Loan năm 2022 tại Khu vực Đà Nẵng trở vào Nam Việt Nam và Campuchia

Thông báo ngày 15 tháng 1 năm 2022

Nhằm khuyến khích sinh viên ưu tú Việt Nam và Campuchia sang Đài Loan học chương trình học vị để gặt hái những kiến thức mọi chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau, đóng góp cho sự giao lưu văn hóa và sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, Campuchia và Đài Loan. Chính phủ Đài Loan đặc biệt thành lập “Học bổng Đài Loan”, hoan nghênh các sinh viên ưu tú của Việt Nam ( từ Khu vực Đà Nẵng trở vào miền Nam ) và Campuchia nộp hồ sơ xin học bổng. Hướng dẫn cách xin học bổng Đài Loan năm 2022 cụ thể như sau:

## I. Số suất học bổng:

Tổng cộng : 30 suất ( 25 suất xét tuyển công khai, lựa chọn sinh viên ưu tú, không phân biệt quốc tịch ( Việt Nam hoặc Campuchia ), 5 suất dành cho các ứng viên được tiến cử bởi một số trường Đại học, Cao đẳng và THPT do phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc đã duyệt trước đó).

## II. Thời gian nhận học bổng:

1. Học các chương trình học vị, thời gian nhận học bổng như sau:

**Đại học: 4 năm**

**Thạc sĩ: 2 năm**

**Tiến sĩ: 4 năm**

2. Thời gian nhận học bổng trong năm: từ ngày 1 tháng 9 hàng năm cho đến ngày 31 tháng 8 năm sau. Ứng viên nhận học bổng (sau đây gọi tắt là Ứng viên) phải tuân thủ theo thời gian nhận học bổng đến Đài Loan đăng ký đúng hạn quy định. Trong thời gian quy định Ứng viên không đến Đài Loan du học, đồng nghĩa với việc từ bỏ tư cách nhận học bổng, không được bảo lưu cho năm sau, suất học bổng đó sẽ dành cho ứng viên dự bị. Tuy nhiên, nếu trước đó đã được trường theo học và Bộ Giáo dục chấp nhận cho bảo lưu, thì Ứng viên đó được cho bảo lưu.

3. Tổng thời gian nhận học bổng: Thời gian nhận học bổng của học vị: Đại học 4 năm, thạc sĩ 2 năm, tiến sĩ 4 năm. Lần đầu tiên sinh viên nhận học bổng phải hoàn thành chương trình học vị đầu tiên, sau đó có thể xin tiếp học bổng cho chương trình học cao hơn. Nhưng tổng số năm được nhận học bổng Đài Loan không quá 5 năm.

4. Thời gian cấp kinh phí học bổng: Từ tháng đầu tiên Ứng viên sang Đài Loan nhập học cho đến hết thời hạn nhận học bổng, hoặc kết thúc cấp kinh phí học bổng khi Ứng viên tốt nghiệp, bảo lưu hoặc nghỉ học.

## III. Chế độ học bổng:

Để khích sinh viên ưu tú Việt Nam và Campuchia sang Đài Loan học cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ, Bộ giáo dục Đài Loan có những chế độ đãi ngộ cho từng sinh viên như sau:

1. Học phí và một phần chi phí khác: Học phí và chi phí khác (bao gồm học phí và tạp phí căn bản). Mỗi

học kỳ tiền học phí và một phần chi phí khác trong khoảng 40,000 Đài tệ (tương đương 1,290USD) sẽ do Bộ giáo dục Đài Loan hỗ trợ, nếu vượt quá 40,000 Đài tệ, phần vượt quá đó sẽ do Ứng viên tự đóng cho trường đang theo học. Chi phí khác không bao gồm: phí do nhà trường ứng trước tổ chức những hoạt động cho sinh viên, phí hướng dẫn làm luận văn, phí mua bảo hiểm, phí ở và phí sử dụng internet, những chi phí này do sinh viên nhận học bổng tự chi trả.

2. Hỗ trợ sinh hoạt phí: Bộ giáo dục hỗ trợ cho Ứng viên đại học mỗi tháng 15,000 Đài tệ (khoảng 500USD), nghiên cứu sinh thạc sĩ và tiến sĩ mỗi tháng 20,000 Đài tệ (khoảng 670USD).

3. Ghi chú: Danh sách các trường có chế độ ưu đãi học phí và các tạp phí vui lòng xem file đính kèm.

#### **IV. Thời gian nộp hồ sơ xin Học bổng:**

Từ ngày 15 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022. Thời gian nhận hồ sơ dựa trên dấu bưu điện.

#### **V. Điều kiện xin học bổng:**

1. Người xin học bổng phải là công dân Việt Nam hoặc Campuchia, mang quốc tịch Việt Nam hoặc Campuchia, có hộ khẩu từ Đà Nẵng trở vào Nam, Tốt nghiệp THPT trở lên, thành tích học tập khá, phẩm chất đạo đức tốt.

2. Những sinh viên sau tốt nghiệp được tiên cử bởi một số trường Đại học và Cao đẳng do phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc cho phép.

3. Nếu thuộc diện dưới đây, không được tham gia học bổng này:

- a. Kiêu bào của Trung Hoa Dân Quốc tại nước ngoài, mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, có giấy phép cư trú lâu dài của Trung Hoa Dân Quốc.
- b. Đã bảo lưu kết quả học tập tại Đài Loan, hoặc đã đăng ký nhập học tại các trường Đại học Đài Loan. Nhưng đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp tham gia học bổng này để xin cấp học cao hơn thì không bị hạn chế.
- c. Đã từng học tại Đài Loan cùng cấp học vị muốn xin theo chương trình học bổng này.
- d. Là sinh nằm trong diện trao đổi sinh viên giữa các trường Đại học Đài Loan và các trường nước ngoài.
- e. Tổng thời gian nhận học bổng này của các cấp học vị với tổng thời gian không quá 5 năm.
- f. Từng bị hủy tư cách nhận học bổng Đài Loan hoặc học bổng tiếng Hoa Bộ giáo dục Đài Loan.
- g. Trong thời gian học tập tại Đài Loan đồng thời nhận thêm học bổng của các cơ quan chính phủ Đài Loan hoặc học bổng của các trường Đại học Đài Loan. Trong đó không tính bao gồm phần học phí trường cam kết chi trả nếu vượt quá mức quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan trong chương trình học bổng này.
- h. Học bán thời gian

4. Các ứng viên căn cứ theo quy định xin nhập học của các trường Đại học công lập và dân lập Đài Loan, để

nộp hồ sơ xin giấy báo nhập học.

## VI. Các giấy tờ cần thiết khi xin học bổng:

Người xin học bổng cần chuẩn bị những giấy tờ sau (nếu nộp hồ sơ không đầy đủ trong thời gian quy định, đồng nghĩa hồ sơ không phù hợp để nộp xin học bổng), gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp mang đến nơi tiếp nhận hồ sơ theo đúng thời gian quy định:

1. Điền đầy đủ thông tin vào đơn xin “Học bổng Đài Loan 2022” (file đính kèm 1: dán kèm 1 ảnh 4x6 chụp trong 3 tháng gần nhất).
2. Công dân Việt Nam : 1 bản photo giấy CMND hoặc hộ chiếu và 1 bản photo hộ khẩu (còn hiệu lực), *địa chỉ hộ khẩu phải từ Đà Nẵng trở vào Nam hoặc nơi công tác từ Đà Nẵng trở vào Nam, những giấy tờ đề cập trên vẫn còn hiệu lực sau ngày 1 tháng 3 năm 2024 (Có hiệu lực 1 năm rưỡi )* .

Công dân Campuchia : 1 bản photo hộ chiếu (còn hiệu lực) *vẫn còn hiệu lực sau ngày 1 tháng 3 năm 2023 (Có hiệu lực 1 năm rưỡi )* .

3. Bằng tốt nghiệp và bằng điểm cao nhất (GPA THPT: 8.0/10 ; GPA Đại học: 7.5/10 hoặc 3/4 trở lên, GPA Thạc sĩ: 8.0/10 hoặc 3.5/4 trở lên): Nếu là ứng viên Campuchia phải có giấy xác nhận tốt nghiệp của Hiệu trưởng ký (Giấy có tiêu đề đầu thư của trường) và nói rõ “ứng viên tốt nghiệp từ trường”. Nếu ứng viên là học sinh/sinh viên chuẩn bị hoặc vừa tốt nghiệp của các trường THPT hoặc Đại học của Việt Nam /Campuchia trước ngày 5/8/2022 phải nộp Bằng tốt nghiệp và bằng điểm đã có công chứng, nếu không nộp đúng hạn, sẽ huỷ tư cách xin/nộp học bổng. Nếu có lý do đặc biệt, vui lòng thông báo bằng văn bản kèm các giấy tờ chứng minh.

**\*\*Nếu khi xin học bổng Đài Loan, ứng viên đã từng học trước học vị xin học bổng Đài Loan, ngoại trừ phải cung cấp Bảng Điểm học lực cao nhất, còn phải cung cấp Bảng Điểm đã từng học (ví dụ: bạn xin học bổng học vị Đại Học, mà trước đó bạn đã học Đại Học năm 1 tại Việt Nam , bạn cần cung cấp cho chúng tôi Bảng Điểm THPT và Bảng điểm năm 1 Đại Học ở Việt Nam)**

**Việt Nam: Chứng minh học lực** (Ví dụ Bằng Tốt nghiệp, Bảng điểm, Chứng nhận sinh viên) Ứng viên giấy tờ trên dịch thuật sang tiếng Hoa hoặc Anh tại Sở/Phòng tư pháp, sau đó phải hợp thức hóa lãnh sự tại Sở Ngoại vụ TPHCM và mang đến công chứng tại Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TPHCM, nếu là sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp có thể công chứng sau khi tốt nghiệp (nếu chưa hoàn thành công chứng, hồ sơ sẽ không được chấp nhận). Chi tiết vui lòng xem tại trang web:

<https://origin-www.roc-taiwan.org/vnsgn/post/9424.html> ◦

**Campuchia (Văn bằng và bản điểm của các trường THPT, CĐ,ĐH Campuchia):**

1. Phải thông qua Bộ Ngoại giao Campuchia và Lãnh sự quán Campuchia tại TPHCM để công chứng (nếu là tiếng Campuchia phải dịch sang tiếng Anh hoặc Hoa). Sau đó gửi đến cho Văn phòng Đài Bắc tại TPHCM, Văn phòng sẽ trực tiếp liên hệ xác thực sau đó đóng dấu công chứng. (Hướng dẫn công chứng xem tại: <http://www.roc-taiwan.org/vnsgn/post/9406.html>).



2. Ứng viên phải có giấy xác nhận tốt nghiệp của Hiệu trưởng trường Campuchia ký (Giấy có tiêu đề đầu thư của trường) và nói rõ “ứng viên tốt nghiệp từ trường”.

Văn bằng và bảng điểm của các nước khác (trừ Trung Quốc): phải thông qua Bộ Ngoại giao của nước đó xác nhận, sau đó mang đến lãnh sự quán Đài Loan tại nước đó để công chứng.

Đối với ứng viên vừa tốt nghiệp, cần nộp Bằng Tốt nghiệp và bảng điểm đã có công chứng trước ngày 5/8/2021. Nếu không nộp đúng hạn, sẽ bị loại bỏ tư cách nhận học bổng và bổ sung bởi ứng viên khác nằm trong danh sách bổ sung.

4. 1 bản photo những giấy tờ xin nhập học tại các trường Đại học công và dân lập Đài Loan (file đính kèm: Danh sách các trường Đại học công và dân lập Đài Loan), ví dụ ( mẫu đơn đã điền đầy đủ thông tin xin nhập học, thư thông báo nhập học của trường, biên lai nộp hồ sơ sang trường Đài Loan...).
5. 1 bản photo Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (Nếu khi nộp hồ sơ xin học bổng đã có đăng ký thi ngoại ngữ, vui lòng đính kèm biên nhận hoặc giấy tờ chứng minh. **Trước 31 tháng 5** mà ứng viên chưa nộp Chứng chỉ Ngoại Ngữ, sẽ bị hủy tư cách xin học bổng):

1. Những sinh viên xin học chương trình bằng tiếng Hoa, phải nộp Chứng chỉ và bảng điểm Năng lực Hoa ngữ TOCFL ( Test of Chinese as a Foreign Language) cấp 3 (cấp Tiến cấp) trở lên và cần nộp cả bản chính để đối chiếu, sau khi hoàn tất sẽ hoàn trả lại, (Không chấp nhận Chứng chỉ HSK). Chứng chỉ phải còn hiệu lực. Chứng chỉ tiếng Trung nêu trên phải được cấp từ hoặc sau ngày 01/3/2021

2. Những sinh viên xin học chương trình hoàn toàn bằng tiếng Anh (*Danh sách chương trình tiếng Anh-file đính kèm*), phải nộp bản photo Chứng chỉ Anh văn TOEFL (pBT) 500 điểm hoặc TOEFL (iBT) 60 điểm trở lên, hoặc những chứng chỉ Anh văn khác được quốc tế công nhận như (IELTS 5.5, TOEIC 600) (tổng điểm của các kỳ thi này phải đạt trên 60%). Chứng chỉ phải còn hiệu lực. Chứng chỉ tiếng Anh nêu trên phải được cấp từ hoặc sau ngày 01/3/2021.

6. Hai thư giới thiệu của giáo sư (giảng viên) hoặc lãnh đạo nơi đang công tác.
7. Ứng viên xin học bổng theo học Chương Trình Tiếng Anh (100%), phải tự liên lạc phía Trường cung cấp giấy tờ chứng minh Ngành đăng ký học có Chương Trình Tiếng Anh (100%). Nếu trong lúc xin học bổng chưa thể cung cấp cho chúng tôi, phiên ứng viên vui lòng trước 31 tháng 5 cung cấp (hoặc liên hệ với chúng tôi để kịp tiến độ)
8. Kế hoạch học tập (Tiếng Trung hoặc Tiếng Anh)

**\*\*Những giấy tờ trên phải cung cấp đầy đủ và sẽ không được hoàn trả lại\*\***

## VII. Nơi nộp hồ sơ:

Đối với những người có hộ khẩu từ Đà Nẵng trở vào Nam (bao gồm Đà Nẵng)

Nơi nộp hồ sơ: Phòng Giáo dục, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố HCM

Địa chỉ: 336 Nguyễn Tri Phương, Phường 4, Quận 10, TPHCM

Điện thoại: 028-38349160 ext 2202-2203 Fax: 028-38349180  
Email: [eduvietnam@mail.moe.gov.tw](mailto:eduvietnam@mail.moe.gov.tw)

*Chú ý: Những người có hộ khẩu từ Đà Nẵng trở ra Bắc (không bao gồm Đà Nẵng) vui lòng liên lạc Phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam*  
Điện thoại: 024-38335501 ext 8458-8459 Fax: 024-32262114 Email: [tweduvn@gmail.com](mailto:tweduvn@gmail.com)

### **VIII. Tiêu chí đánh giá:**

Chủ yếu dựa vào (1) Kế hoạch học tập (2) Thành tích học tập (Nếu tổng điểm GPA là điểm thang 4, Ứng viên đi học đại học phải có tổng điểm đạt 8 điểm trở lên; Ứng viên đi học Thạc Sĩ tổng điểm đạt 7.5 trở lên (Thang điểm 10) trở lên hoặc đạt 3 trở lên (Thang điểm 4); Ứng viên đi học Tiến Sĩ tổng điểm đạt 8 trở lên (Thang điểm 10) hoặc đạt 3.5 trở lên (Thang điểm 4);

(3) Năng lực ngoại ngữ (4) Thư giới thiệu (5) Khả năng thể hiện khi phỏng vấn (phỏng vấn tại phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TP.HCM, thời gian cụ thể sẽ được thông báo theo hình thức e-mail, nếu không hồi phúc sau 3 lần thông báo qua e-mail, cũng không tới phỏng vấn thì sẽ loại bỏ tư cách ứng tuyển).

**\*\*Những giấy tờ trên phải cung cấp đầy đủ và sẽ không được hoàn trả lại\*\***

### **IX. Tiến độ xét duyệt:**

Thời gian nhận hồ sơ từ 15 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022, tháng 5 đến tháng 6 tiến hành xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn; trước cuối tháng 7 ứng viên sơ tuyển chính thức và dự bị phải nộp giấy thông báo nhập học; trước giữa cuối tháng 8 thông báo danh sách trúng tuyển chính thức đồng thời cấp giấy Chứng nhận học bổng Đài Loan, ứng viên phải tham gia Buổi tư vấn trước thêm du học do Phòng Giáo dục tổ chức. Nếu ứng viên trúng tuyển là sinh viên vừa tốt nghiệp, yêu cầu trong thời gian quy định trên phải nộp bổ sung Bằng tốt nghiệp chính thức và bản photo Bằng tốt nghiệp đã được công chứng (Nếu không nộp đúng hạn hoặc chưa được đồng ý cho gia hạn nộp thì sẽ bị hủy tư cách nhận học bổng); phải có visa trước thời gian nhập học theo quy định của trường (được miễn không thu phí làm visa) ( nếu chưa được cấp visa sẽ bị loại bỏ tư cách nhận học bổng) , tự đặt vé máy bay và chuẩn bị sang Đài Loan du học theo thời gian quy định của trường. Sau khi hoàn thành chương trình học vị, nếu muốn tiếp tục học tập học vị cao hơn tại Đài Loan, trước ngày 28 tháng 2 hàng năm, căn cứ theo điều 6 chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp lại cho Văn phòng đại diện của Đài Loan tại đất nước của ứng viên đó xin lại từ đầu., sẽ được xét với tư cách ứng viên mới, nhưng tổng thời gian nhận học bổng Đài Loan không được vượt quá 5 năm.

### **X. Những điều người nhận học bổng phải tuân thủ:**

1. Ngoài những phí mà Bộ giáo dục và các trường hỗ trợ ra, sinh viên nhận học bổng phải tự đóng những chi phí cần đóng khác, nếu người có kinh tế khó khăn, có thể xin với trường đang theo học trừ những chi phí đó vào tiền hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng.

2. Ứng viên phải chuẩn bị “Giấy khám sức khỏe”, “Chứng nhận học bổng Đài Loan” và các giấy tờ theo quy định, ứng viên Việt Nam hoặc Campuchia sau khi trúng tuyển đến Văn phòng Đài Bắc tại TP.HCM để xin

visa cư trú, ứng viên được miễn chi phí làm visa, ứng viên chưa xin visa trước thời gian nhập học sẽ bị loại bỏ tư cách nhận học bổng).

3. Ứng viên khi học tập tại trường, thành tích học tập và thời gian vắng học nếu không phù hợp với tiêu chuẩn của nhà trường, dựa vào quy định của các trường có thể ngừng phát hoặc hủy bỏ tư cách nhận học bổng này.

4. Ứng viên nhận học bổng Đài Loan không được đồng thời nhận học bổng khác của Chính phủ Đài Loan hoặc học bổng của trường, nếu có vi phạm, sẽ hủy bỏ tư cách nhận học bổng này, đồng thời truy thu tiền học bổng đã cấp trước đó.

5. Theo quy định Ứng viên phải tham gia bảo hiểm y tế toàn dân, trước khi tham gia loại bảo hiểm này, nên tự phí mua các loại bảo hiểm xã hội khác hoặc bảo hiểm sinh viên.

6. Ứng viên nhận học bổng này, phải với mục đích học tập, không được đến các nước khác thực tập với thân phận sinh viên trao đổi hoặc sinh viên trong chương trình liên kết. Nếu vi phạm sẽ bị hủy tư cách học bổng, không được tiếp tục nhận học bổng. Nếu vì chương trình học của trường quy định phải đi nước ngoài thực tập, thì sẽ không bị hủy tư cách nhận học bổng. Nhưng thời gian đi thực tập tại nước ngoài sẽ không được nhận học bổng.

7. Nếu vì chương trình học của trường quy định phải đi nước ngoài thực tập, không tự ý bỏ học bổng. Nhưng thời gian đi thực tập tại nước ngoài sẽ không được nhận học bổng.

8. Đơn xin học bổng và giấy báo nhập học từ các trường Đại học của các ứng viên không được giả mạo, bôi xóa hay làm giả, nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ tư cách nhận học bổng và ứng viên đó cũng phải hoàn trả lại học phí và các chi phí khác do học bổng trợ cấp từ ngày bắt đầu nhận đến ngày bị đình chỉ.

9. Ứng viên phải ký vào “Giấy cam kết học bổng Đài Loan”, tuân thủ pháp luật Đài Loan và những quy định liên quan của học bổng này.

10. Thành tích học tập của ứng viên phải đạt mức quy định như sau, mới được tiếp tục nhận học bổng:

a. Đại học thấp nhất là 70 điểm, nghiên cứu sinh thấp nhất là 80 điểm; Nếu mức điểm của các trường cao hơn, thì sẽ căn cứ vào mức điểm của các trường.

b. Ứng viên học tiến sĩ, bắt đầu năm thứ 3, cách tính điểm và mức điểm cơ sở sẽ do các trường quy định.

11. Những quy định khi ứng viên chuyển ngành, chuyển trường như sau:

a. Ứng viên phải hoàn thành từ một học kỳ trở lên tại trường đã xin nhập học, sau khi thông qua sự đồng ý của trường đang theo học và trường muốn chuyển, đồng thời phải tuân theo quy định chuyển ngành, chuyển trường của các trường. Trong suốt thời gian nhận học bổng, ứng viên chỉ được chuyển ngành, chuyển trường duy nhất một lần.

b. Ứng viên muốn chuyển ngành, chuyển trường không cùng cấp đang theo học, bắt buộc phải nộp hồ sơ xin lại từ đầu, không được tiếp tục nhận học bổng để chuyển sang chương trình học không cùng cấp.

c. Khi ứng viên chuyển trường, trường đang theo học sẽ ghi rõ ứng viên đang học chương trình học vị gì, bắt đầu nhận học bổng từ thời gian nào, chuyển trường thời gian nào, sẽ có công văn thông báo cho ứng viên và trường muốn chuyển. Trường tiếp nhận sẽ có công văn trả lời đồng ý tiếp nhận từ thời gian nào cũng phải thông báo cho ứng viên và trường của ứng viên học trước đó. Cả hai trường đều phải có công văn cho Bộ Giáo dục Đài Loan cùng những đơn vị liên quan.

12. Ứng viên phải phối hợp với những chính sách của Bộ Giáo dục và phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TP.HCM dành cho Học bổng Đài Loan, tham gia học ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa, tham gia các hoạt động giao lưu học thuật.

13. Nếu vì lý do dịch bệnh không thể đến Đài Loan du học hoặc vì thế mà rút ngắn thời gian nhận học bổng, thì sẽ không được bảo lưu hoặc kéo dài.

#### **XI. Thông tin công bố:**

Có thể tìm thông tin về “Hướng dẫn xin học bổng Đài Loan 2022” và “Mẫu đăng ký năm 2022” tại những website sau: Website: <http://www.roc-taiwan.org/VN/SGN> (Trang web của Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố HCM, mục “Văn hóa và giáo dục”)

# 2022 年臺灣獎學金申請表(柬埔寨及越南峴港以南地區)

## APPLICATION FORM FOR TAIWAN SCHOLARSHIP 2022

### INSTRUCTIONS:

This application form should be typed and completed by the applicant. Each question must be answered clearly and completely. Detailed answers are required in order to make the most appropriate arrangements. If necessary, additional pages of the same size may be attached. 本表請申請人詳實工整填寫，慎勿遺漏，以利配合作業，如有需要，申請人可自行以同款紙張加頁說明。

Please check. 請選以下選項

|  |
|--|
| <b>Which type of scholarship are you applying for?</b><br><input type="checkbox"/> Undergraduate Scholarship 大學獎學金<br><input type="checkbox"/> Master Scholarship 碩士獎學金<br><input type="checkbox"/> Doctoral Scholarship 博士獎學金 |
|--|

### 1. PERSONAL DATA 個人基本資料

|  |  |  |
|--|--|--|
| a. SEX 性別                              | <input type="checkbox"/> Male 男 <input type="checkbox"/> Female 女  | Please attach a recent photograph taken within the last 3 months.<br>最近三個月相片 |
| b. NAME 姓名                             | Vietnamese Name 越文姓名：<br>Chinese Name 中文姓名：  |  |
| c. CITY and COUNTRY OF BIRTH 出生城市及國別   |  |  |
| d. NATIONALITY 國籍                      | <b>*Note: If one or both of your parents was an ROC national at the time of your birth, you are an ROC national as well and therefore not eligible to apply.</b> |  |
|  | Do you hold the Alien Permanent Resident Certificate of ROC?<br><input type="checkbox"/> Yes <input type="checkbox"/> No   |  |
| e. CONTACT INFORMATION<br>聯絡地址、電話、電子郵件 | Permanent Address 永久地址：<br>Mailing Address 郵寄地址：<br>Telephone 電話：<br>E-mail 電子郵件：  | Cell phone 手機：   |
| f. PARENTS'                            | FATHER 父   | MOTHER 母   |

|   |  |  |
|---|--|--|
| INFORMATION<br>家長資料   | Name 姓名:   | Name 姓名:                                       |
|   | Nationality 國籍:  | Nationality 國籍:                                |
|   | Place of Birth 出生地:  | Place of Birth 出生地:                            |
| g. MARITAL STATUS<br>婚姻狀況   | <input type="checkbox"/> Single 單身 <input type="checkbox"/> Married 已婚   |  |
| h. DATE of BIRTH<br>生日  | (Day 日 / Month 月 / Year 年):  |  |
| i. PAST RESIDENCE in<br>TAIWAN 曾居住臺灣  | <input type="checkbox"/> Never 否; <input type="checkbox"/> Yes 是, from 從 (dd/mm/yr) to 到 (dd/mm/yr) Reason for residence 居住事由:               |  |
| j. Taiwan Scholarship/<br>Huayu Enrichment<br>Scholarship Award<br>History 臺灣獎學金/<br>華語文獎學金受獎紀錄 | <input type="checkbox"/> None 無; <input type="checkbox"/> Yes 是, from 從 (dd/mm/yr) to 到 (dd/mm/yr)<br>Types of Scholarship Awarded 曾受領獎學金類別: |  |
| k. HEALTH CONDITION<br>健康狀況   | <input type="checkbox"/> Excellent 優 <input type="checkbox"/> Good 良 <input type="checkbox"/> Fair 可   |  |
| l. CHRONIC DISEASES<br>慢性病  | <input type="checkbox"/> None 無<br><input type="checkbox"/> Yes 有 Please specify 請指明:  |  |
| m. CONTACT PERSON,<br>IN CASE OF AN<br>EMERGENCY<br><br>緊急事件聯絡人                                 | Name 姓名:<br><br>Address 地址:<br><br>Telephone 電話:<br><br>E-mail 電子郵件:   | Relationship 關係:<br><br><br><br>Cell phone 手機: |

## 2. LANGUAGE PROFICIENCY 語言能力

English Test 英語能力證書:      Date 日期(year / month):      Level 通過等級:      Score 總分:

Chinese Test 華語能力證書:      Date 日期(year / month):      Level 通過等級:      Score 總分:

| LANGUAGE<br>PROFICIENCY<br>語言能力 | COMPREHENSION<br>聽 |           |           | READING 讀      |           |           | WRITING 寫      |           |           | SPEAKING 說     |           |           |
|---------------------------------|--------------------|-----------|-----------|----------------|-----------|-----------|----------------|-----------|-----------|----------------|-----------|-----------|
|                                 | Excellent<br>優     | Good<br>良 | Fair<br>可 | Excellent<br>優 | Good<br>良 | Fair<br>可 | Excellent<br>優 | Good<br>良 | Fair<br>可 | Excellent<br>優 | Good<br>良 | Fair<br>可 |
| CHINESE                         |                    |           |           |                |           |           |                |           |           |                |           |           |
| ENGLISH                         |                    |           |           |                |           |           |                |           |           |                |           |           |
| (Other, please state)           |                    |           |           |                |           |           |                |           |           |                |           |           |

**3. EDUCATIONAL BACKGROUND 教育背景**

| Level 程度                            | Name of Institution<br>校名 | Country & City<br>地點 | 1. Graduate yyyy/mm 畢業<br>2. GPA 學業平均成績 |
|-------------------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Secondary<br>Education 中學           |                           |                      | 1.<br>2.                                |
| College Education 專科                |                           |                      | 1.<br>2.                                |
| Undergraduate Level<br>Education 大學 |                           |                      | 1.<br>2.                                |
| Graduate Level<br>Education 研究所     |                           |                      | 1.<br>2.                                |

**4. REFERENCES 推薦單位 (人) 資料**

| Name 姓名 | Position 職務 | Telephone, E-Mail, Mailing Address 電話、電郵、地址 |
|---------|-------------|---|
|         |             |   |
|         |             |   |

**5. PREVIOUS EMPLOYMENT (Use one line for each position) 工作經歷**

| Position 職務 | Company/Organization<br>機構名稱 | Period of Employment<br>服務期間 | Responsibilities<br>工作說明 |
|-------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|
|             |                              |                              |                          |
|             |                              |                              |                          |
|             |                              |                              |                          |

**6. PRESENT EMPLOYMENT 目前工作職務狀況**

|                                       |  |               |
|---------------------------------------|--|---------------|
| a. COMPANY/<br>ORGANIZATION<br>任職機構名稱 |  |               |
| b. POSITION<br>職稱                     |  | c. From 起始日期： |

|  |  |
|--|--|
| <p>d. CONTACT INFORMATION<br/>聯絡資訊</p>                           | <p>Address 地址：<br/>Telephone 電話： Cell phone 手機：<br/>Fax 電傳： E-mail 電子郵件：</p>   |
| <p>e. TYPE OF ORGANIZATION<br/>機構種類</p>                          | <p><input type="checkbox"/> Govt. Ministry/ Agency 政府部門      <input type="checkbox"/> University/ Institution 大學校院      <input type="checkbox"/> Govt./State-owned Enterprise 公營企業<br/><input type="checkbox"/> Locally-owned Enterprise 私人企業      <input type="checkbox"/> Joint Venture 合資企業      <input type="checkbox"/> International Enterprise 國際公司      <input type="checkbox"/> NGO 非政府國際組織</p> |
| <p>f. PRESENT DUTIES &amp; YEARS OF EMPLOYMENT<br/>現任職務及資歷年限</p> |  |

7. UNIVERSITY/DEPARTMENT, YOU APPLY TO ATTEND IN TAIWAN 擬就讀大學校院系所(倘有申請超過3所,請自行延伸,If applicant has applied over 3 universities, please extend the application form by yourself)

(1)University/College:

大學/學院：

Department/Program:

科系：

Is this an All English Program:  No  Yes, ( If you have not passed the TOCFL test, then you can only apply for all English program; therefore, please attach letter signed by the president of the university indicating that the department program applied is “an all English Program approved by the Ministry of Education, Taiwan” with this application form.)

(2)University/College:

大學/學院：

Department/Program:

科系：

Is this an All English Program:  No  Yes, ( If you have not passed the TOCFL test, then you can only apply for all English program; therefore, please attach letter signed by the president of the university indicating that the department program applied is “an all English Program approved by the Ministry of Education, Taiwan” with this application form.)

(2)University/College:

大學/學院：

Department/Program:

科系：

Is this an All English Program:  No  Yes, ( If you have not passed the TOCFL test, then



you can only apply for all English program; therefore, please attach letter signed by the president of the university indicating that the department program applied is “**an all English Program approved by the Ministry of Education, Taiwan**” with this application form.)

**8. PLEASE BRIEFLY STATE YOUR STUDY PLAN WHILE IN TAIWAN 請簡述到臺灣的讀書計畫**

**(Please attach your detail study plan in A4 paper. 請以 A4 紙另附詳細讀書計畫)**

請勾選以下項目。Please check(V) below:

填妥「臺灣獎學金」申請表 1 份(附件 2, 須黏貼 3 個月內 2 吋照片)。Completed "Taiwan Scholarship" application form (Please attach a recent photograph taken within the last 3 months.)

越南: 有效之越南籍身分證件或之護照影印本 1 份及戶籍影本, 戶籍地址須為峴港以南地區或工作地點為峴港以南地區, 上開證件有效期截止日期需為 2024 年 3 月 1 日後。

柬埔寨: 有效之護照影印本 1 份, 護照有效期截止日期需為 2024 年 3 月 1 日後。

**Vietnam:** A photocopy of his/her valid passport and household registration, which has to be South of Da Nang or the place of work is south of Da Nang. All the documents mentioned above have to remain valid after March 1, 2024.

**Cambodia:** A photocopy of his/her valid passport, which has to be still valid after March 1<sup>st</sup>, 2024.

最高學歷畢業證書及成績單。A verified/authenticated photocopy of their highest academic award and of the associated academic transcripts. (GPA Highschool 8.0/10 or above; GPA Undergraduate 7.5/10 or 3/4 or above; GPA Master 8.0/10 or 3.5/4 or above)

華語文或有效之英語能力證明(華測 TOCFL 三級以上, HSK 不予受理證書, 或英語國際測驗成績單(TOEFL)紙筆式(pBT) 500 分或網路式 60 分以上或 IELTS 5.5, TOEIC 600, 或其他國際公認之英語能力測驗(例如: GEPT, IELTS, TOEIC 等)相當等級成績證明影本 1 份(該測驗總分百分之六十以上之成績證明文件)。

Copy of results or certificate for the “Test of Chinese as a Foreign Language” Level 3 or above. HSK Score will not be accepted. Once becoming the recipient of the Scholarship, original Copy of the certificate will be needed to be brought to the Education Division for verification. Or other recognized English language proficiency exams must be submitted. TOEFL score pBT 500 or IBT 60 Test Score report or IELTS 5.5, TOEIC 600 or above English test scores or other internationally accredited English proficiency tests (grade must be 60% or above to total score). Original Copy of the certificate will be needed to be brought to the Education Division for verification.

臺灣公私立大學院校 申請入學之相關證明文件影印本 1 份(例如: 已填寄之入學申請表、申請入學之學校回函、繳納報名費之收據等文件)。A photocopy of the applications to the Taiwan's

Universities, or admission letter.

- 學校教授(教師)或重要指導教師或工作單位主管之中/英文推薦信 2 封。

Two reference letters – from a principal, a college or university president, professors, and/or supervisors – personally signed, and placed in sealed envelopes. Photo copies and email submissions of letters of recommendation will not be considered.

- 研習計畫(中文或英文)。Study plan (Chinese or English).

**9. DECLARATION 聲明： I declare that 本人聲明下列事實：**

- I am neither concurrently an ROC national, nor an overseas compatriot of the ROC, **nor hold the Alien Permanent Resident Certificate of ROC;**

本人既不是中華民國的國民，也不是中華民國的海外僑民；也沒有持中華民國永久居留證。

- I am not currently undertaking studies in Taiwan for the same educational level as the scholarship type for which I am applying;

本人目前並未在臺灣就讀本次準備申請獎學金類別之同等級教育；

- I am not applying for this scholarship as an exchange student resulting from an agreement signed between my home institution and any Taiwan university/college;

本人並非以本身就讀學校與任何臺灣學校簽約合作的交換學生身分來申請本項獎學金；

- The information I have given on this application is complete and accurate to the best of my knowledge, and I understand that the application materials submitted can not be returned .

本人已基於充分瞭解提供本件申請表中各項完整而正確的信息，且瞭解所提供之申請資料將不予退還。

- I understand that if I become the scholarship recipient and that I fail to receive offer letter from the university or that I can not obtain the VISA within the designated time, will result in cancellation of my scholarship recipient status.

本人瞭解倘被錄取為臺灣獎學金生而未能於時限內取得大學錄取通知書/函或獲得相關簽證，則將取消受獎資格。

Applicant's Signature 申請人簽名：

Date 日期

\_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_